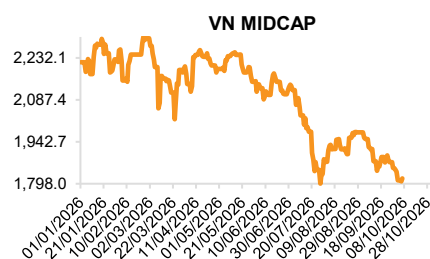
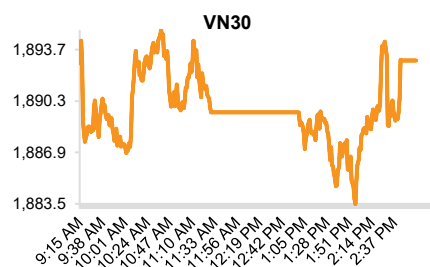
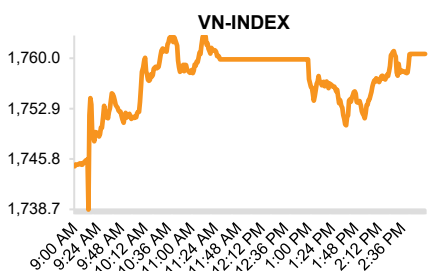


KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn



Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.760,6	261,1	126,9
1 ngày (%)	1,3	-0,2	0,5
1 tháng (%)	-3,1	-5,7	0,6
Từ 2026	-1,3	4,9	4,9
1 năm (%)	4,9	-2,8	15,6
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	325	16	26
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	0,6	1,1	0,5
Số mã tăng	149	57	108
Số mã giảm	167	74	111
Số mã tham chiếu	90	162	508

Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán

VN-Index tăng 1,3%, mùa KQKD quý 3 củng cố tâm lý nhà đầu tư

Phiên giao dịch ngày 22/10/2026 ghi nhận VN-Index tăng 22,0 điểm (+1,3%) lên 1.760,6 điểm. Tâm lý thị trường cải thiện trong bối cảnh mùa công bố KQKD Q3/26 ghi nhận nhiều kết quả tích cực từ các doanh nghiệp niêm yết, qua đó hỗ trợ diễn biến của nhiều nhóm cổ phiếu. VIC (+4,2%) và VHM (+3,6%) là hai cổ phiếu đóng góp lớn nhất vào mức tăng của VN-Index. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 164 mã giảm, gồm ba mã giảm sàn, 57 mã đứng giá và 147 mã tăng, trong đó hai mã tăng trần. HNX-Index giảm 0,6 điểm (-0,2%) xuống 261,1 điểm.

VN30 tăng 12,4 điểm (+0,7%) lên 1.893,0 điểm, với 17 mã tăng, hai mã đứng giá và 11 mã giảm. VN100 tăng 13,4 điểm (+0,8%) lên 1.797,2 điểm, cho thấy đà tăng lan rộng trong nhóm vốn hóa lớn.

Xét theo ngành, 14/19 ngành tăng điểm, trong khi năm ngành giảm. Bất động sản tăng mạnh nhất (+3,4%), tiếp theo là Dầu khí (+3,3%), Hàng hóa và dịch vụ công nghiệp (+1,4%), Du lịch & Giải trí (+1,1%) và Bảo hiểm (+0,8%). Ở chiều ngược lại, Công nghệ giảm 0,6%, Xây dựng & Vật liệu giảm 0,3% và Y tế giảm 0,2%.

Thanh khoản khớp lệnh HoSE đạt 13,3 nghìn tỷ đồng, giảm 22.1% so với phiên trước. Khối ngoại mua ròng 341,6 tỷ đồng, tập trung tại VIC (239,4 tỷ đồng), TCB (177,6 tỷ đồng), VHM (160,6 tỷ đồng), MSN (140,8 tỷ đồng) và HPG (59,7 tỷ đồng). Ở chiều bán ròng, FPT dẫn đầu với 264,2 tỷ đồng, tiếp theo là KDC (95,8 tỷ đồng), STB (85,1 tỷ đồng), ACB (44,3 tỷ đồng) và NVL (30,6 tỷ đồng).

Chúng tôi khuyến nghị: 1) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao: Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng hợp lý sau phiên tăng mạnh, ưu tiên nắm giữ các cổ phiếu có diễn biến tích cực và kết quả kinh doanh tốt, đồng thời hạn chế mua thêm ở các cổ phiếu đã tăng nhanh trong phiên. **2) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao:** Nhà đầu tư chưa nên mua đuổi sau phiên tăng mạnh và có thể chờ thị trường ổn định hơn.

Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	1D	1M	Thay đổi (%)	YTD	1Y	KL
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	5,1	28,1	3,3	0,7	2,1	-11,1	-3,1	7,1	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,1	18,3	5,0	0,1	-0,6	-11,6	-3,2	-13,4	
Năng lượng	2,7	9,7	1,8	3,5	-4,8	57,0	56,2	-7,9	
Tài chính	36,2	10,7	1,5	-0,1	-2,4	-4,0	-5,5	-19,1	
Chăm sóc sức khỏe	0,4	14,3	2,4	-0,4	-1,1	-12,3	-7,4	153,7	
Công nghiệp	6,4	24,2	3,1	0,5	1,6	-12,5	-14,7	8,7	
Công nghệ thông tin	1,5	10,9	2,6	-0,1	-12,4	-30,1	-30,9	10,4	
Vật liệu xây dựng	5,4	13,6	1,5	0,4	0,6	0,0	-1,6	-23,0	
Bất động sản	31,4	60,6	7,6	3,6	-4,8	22,9	86,8	2,7	
Dịch vụ tiện ích	3,9	13,1	2,2	0,7	-5,3	4,9	20,2	17,9	

Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Thế giới:** Giá dầu Brent tăng lên trên 110 USD/thùng sau các cuộc tấn công mới nhằm vào Saudi Arabia, làm gia tăng lo ngại xung đột Trung Đông lan rộng và gián đoạn nguồn cung dầu. IMF dự báo sản lượng kinh tế tại Trung Đông, Bắc Phi và Pakistan giảm 1,3% trong năm 2026 do gián đoạn sản xuất năng lượng, vận tải biển, du lịch và thương mại.
- **Mỹ/Fed:** USD suy yếu khi nhà đầu tư giảm vị thế mua USD trước các cuộc họp của NHTW tuần tới, trong khi Fed được kỳ vọng giữ nguyên lãi suất. Phố Wall tăng điểm khi kết quả kinh doanh tích cực từ SpaceX và Super Micro thúc đẩy nhóm cổ phiếu liên quan đến AI.
- **Nhật Bản/BoJ:** Nhà đầu tư Nhật Bản bán trái phiếu nước ngoài tuần thứ 5 liên tiếp, chuỗi dài nhất trong 4 năm, khi lợi suất JGB tăng khiến tài sản trong nước hấp dẫn hơn. Khảo sát của BoJ cũng cho thấy điều kiện tài chính vẫn tương đối nới lỏng dù lãi suất chính sách đã tăng lên 1,3%, trong khi nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp tăng.
- **Anh:** Lạm phát Anh tăng cao hơn dự kiến, làm gia tăng kỳ vọng BoE có thể tiếp tục tăng lãi suất. Số liệu lạm phát cũng hạn chế đà tăng của FTSE 100, dù cổ phiếu dầu khí và tài chính được hưởng lợi từ giá năng lượng cao. FTSE 100 tăng 0,1% lên 10.752,9 điểm, trong khi FTSE 250 tăng 0,3%.
- **Eurozone - Đức:** Khu vực đồng euro chống chịu cú sốc năng lượng năm 2026 tốt hơn dự kiến nhờ giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, tăng sử dụng năng lượng tái tạo và hạt nhân, hỗ trợ tài khóa và đầu tư mạnh vào AI. Chi tiêu quốc phòng và hạ tầng của Đức được ước tính đóng góp khoảng 0,5% vào GDP Eurozone. Tuy nhiên, ECB cảnh báo các yếu tố hỗ trợ này có thể chỉ mang tính tạm thời và vẫn cần nhắc tăng thêm lãi suất khi lạm phát do năng lượng tiếp tục gây sức ép.

Tin vĩ mô trong nước

- NHNN yêu cầu các tổ chức tín dụng chuyển từ phòng thủ truyền thống sang chủ động phát hiện, ứng phó và khôi phục sau sự cố mạng, đồng thời giám sát cả an ninh mạng và hoạt động giao dịch để ngăn nguy cơ chiếm đoạt tiền. Trong 8 tháng đầu năm 2026, giao dịch thanh toán qua Internet đạt hơn 4,4 tỷ lượt, tăng 46,6%, còn qua điện thoại di động đạt 14 tỷ lượt, tăng 35,3%.
- Việt Nam và Pháp tăng cường hợp tác về công nghệ lượng tử thông qua hội thảo tại TP.HCM, với sự tham gia của cơ quan quản lý, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp hai nước. Hai bên tập trung tìm cơ hội hợp tác đầu tư, thương mại và ứng dụng công nghệ lượng tử trong các lĩnh vực như tối ưu hóa, logistics, giao thông và an toàn thông tin.
- Quy hoạch chung Đà Nẵng đến năm 2050, tầm nhìn 2075, định hướng phát triển hơn 2.000 ha đô thị lấn biển, gồm khoảng 1.500 ha tại vịnh Đà Nẵng, 450 ha tại khu vực cảng Liên Chiểu và 100 ha phía Nam bán đảo Sơn Trà. Các khu đô thị này dự kiến phục vụ khoảng 400.000 cư dân vào năm 2050, kết hợp nhà ở, công trình công cộng, công viên, du lịch, thương mại và dịch vụ.
- Trong kỳ điều hành ngày 15/10, giá xăng dầu trong nước đồng loạt giảm, riêng E10RON95-III giảm 1.225 đồng/lít. Có 14 thương nhân đầu mỗi chủ động giảm thêm 300-350 đồng/lít hoặc kg so với giá điều hành; trong đó PVOIL, Long Hưng và Trường An giảm thêm 350 đồng, còn 11 thương nhân khác giảm 300 đồng, góp phần giảm chi phí nhiên liệu cho người dân và doanh nghiệp.
- NHNN tiếp tục yêu cầu các ngân hàng thương mại giảm thực chất lãi suất huy động và cho vay trên toàn hệ thống; riêng lãi suất tiền gửi bình quân của các giao dịch mới kỳ hạn từ 6 tháng trở lên phải giảm tối thiểu 0,5 điểm %/năm trong các tháng cuối năm 2026 so với mức tại kỳ báo cáo 11-20/10. NHNN sẽ theo dõi việc thực hiện và có thể xem xét giảm hoặc giao thấp chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng với ngân hàng không chấp hành.

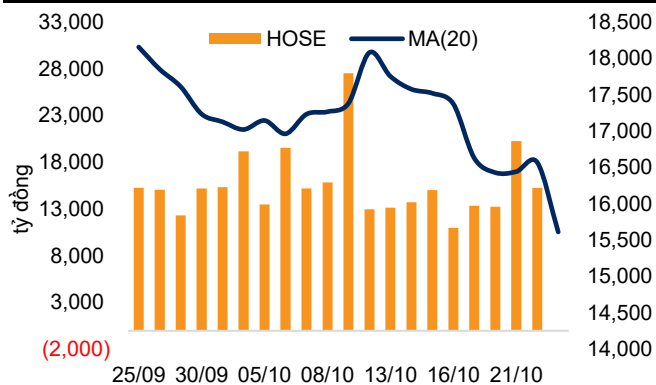
Tin ngành và doanh nghiệp

- **PNJ:** CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận dự kiến đóng 25-30 cửa hàng để thu gọn hệ thống bán lẻ sau biến cố tháng 7. Giá trị kim cương và trang sức kim cương còn thuộc chính sách thu đổi khoảng 21 nghìn tỷ đồng; lượng tồn kho này có thể cần nhiều năm để tiêu thụ. PNJ đang điều chỉnh chính sách thu đổi, cơ cấu sản phẩm và tìm giải pháp huy động vốn để xử lý tồn kho, với kỳ vọng tăng trưởng trở lại từ 2027.
- **MSN:** Tập đoàn Masan ghi nhận doanh thu 9 tháng 2026 đạt 89,1 nghìn tỷ đồng, tăng gần 53%, lợi nhuận sau thuế 10,3 nghìn tỷ đồng, gấp 2,3 lần cùng kỳ và đã vượt kế hoạch cả năm sau điều chỉnh. Động lực tăng trưởng đến từ Masan Consumer, Masan MEATLife và WinCommerce; riêng WinCommerce mở rộng 894 cửa hàng, nâng tổng số điểm bán lên 5.486.
- **PGB:** Ngân hàng PGBank đạt 630 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong 9 tháng 2026, tăng 27% svck, nhờ thu nhập dịch vụ và kinh doanh ngoại hối tăng hơn gấp đôi. Tổng tài sản đạt 92,6 nghìn tỷ đồng, dư nợ cho vay tăng 7,1%, tiền gửi tăng 5,8%, trong khi CASA tăng 32%; vốn điều lệ cũng tăng 33,2% lên 7,3 nghìn tỷ đồng.
- **VIX:** CTCP Chứng khoán VIX ghi nhận lợi nhuận sau thuế quý III chỉ gần 174 tỷ đồng, giảm 93% svck do hoạt động tự doanh chuyển sang lỗ gần 95 tỷ đồng, so với mức lãi hơn 2,7 nghìn tỷ đồng cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng, VIX lãi hơn 388 tỷ đồng, còn cách xa mục tiêu 2,8 nghìn tỷ đồng cả năm; danh mục tự doanh cuối quý III có giá trị hợp lý hơn 23,1 nghìn tỷ đồng.
- **NT2:** CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đạt doanh thu 9 tháng hơn 7,8 nghìn tỷ đồng, tăng 44%, trong khi giá vốn tăng 40%. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 906 tỷ đồng, tăng 57% svck nhờ lợi nhuận gộp tăng 73% và thu nhập tài chính tăng mạnh; sau 9 tháng, công ty đã đạt 95% kế hoạch doanh thu và vượt hơn 2,1 lần kế hoạch lợi nhuận năm.
- **DPM:** Tổng CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Phú Mỹ ký thỏa thuận hợp tác với Topsoe nhằm mở rộng hợp tác về công nghệ hóa chất và chuyển dịch năng lượng. Hai bên sẽ nghiên cứu các dự án về tối ưu hóa chuỗi giá trị hóa chất, amoniac phát thải thấp, hydro xanh và các giải pháp carbon thấp, qua đó hỗ trợ DPM chuyển dịch từ nhà sản xuất phân bón truyền thống sang doanh nghiệp hóa chất hiện đại.
- **TPB:** Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) ký thỏa thuận tài chính trị giá 50 triệu USD với DEG, khoản vay kỳ hạn 5 năm nhằm bổ sung nguồn vốn USD trung dài hạn và đa dạng hóa nguồn vốn quốc tế. Trong đó, 30 triệu USD được ưu tiên cho các dự án xanh, giảm phát thải và chuyển dịch năng lượng; 20 triệu USD hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hoặc điều hành.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

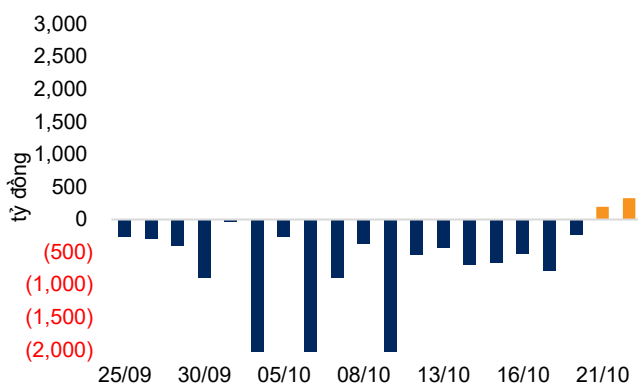
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai, 19/10/2026	Trung Quốc	Các số liệu vĩ mô tháng 9 và Q3.2026
Thứ Ba, 20/10/2026	Trung Quốc	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 10.2026 của Ngân hàng trung ương Trung Quốc
Thứ Tư, 21/10/2026	Mỹ	Số liệu PMI sản xuất và PMI dịch vụ tháng 10.2026

Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



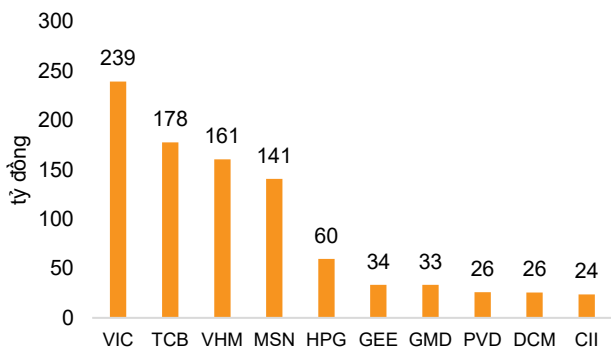
Nguồn: HoSE. VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỎI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



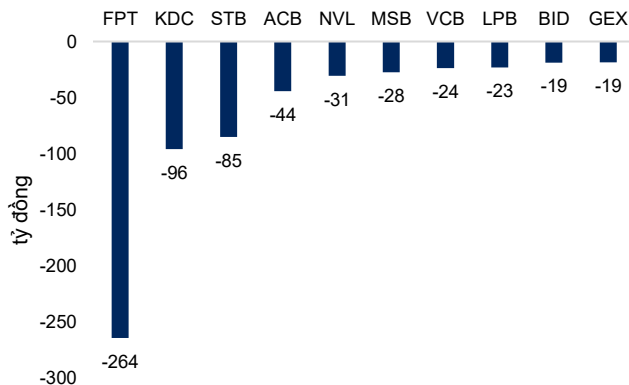
Nguồn: HoSE. VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Nguồn: FIINPRO. VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY



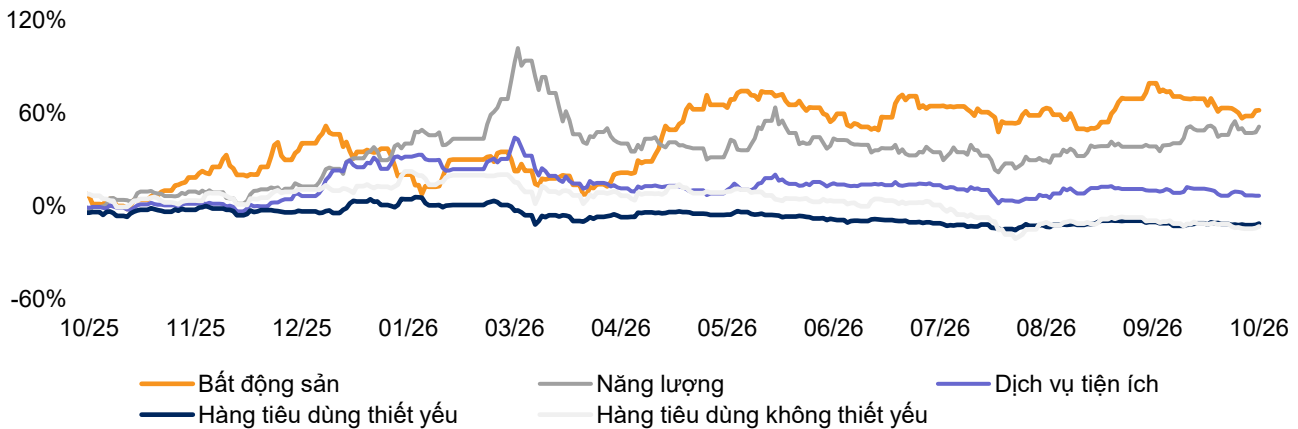
Nguồn: FIINPRO. VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	-1,5%	-7,8%	16,4	1,5	8,7%	2,5%	131.847	1,4%	166.058	0,4%	6,8%
Ấn Độ	NSE500 Index	-0,9%	-9,3%	22,2	3,1	15,0%	1,3%	8.629	7,2%	-32.479	0,7%	-7,3%
Indonesia	JCI Index	1,1%	-37,7%	11,8	1,4	12,2%	4,6%	746	7,2%	-5.280	-1,0%	-8,2%
Singapore	FSTAS Index	-0,6%	13,7%	18,7	1,6	9,5%	4,1%	1.530	2,1%	1.206	-0,1%	1,6%
Malaysia	FBME Index	0,0%	-2,8%	14,4	1,4	10,1%	4,1%	630	3,7%	-1.765	-0,2%	3,6%
Philippines	PCOMP Index	-0,5%	-7,3%	9,2	0,9	9,7%	3,9%	95	5,8%	-777	-1,3%	-8,0%
Thái Lan	SET Index	0,5%	24,2%	12,8	1,4	9,3%	4,5%	2.007	1,7%	501	-1,5%	-2,4%
Việt Nam	VN-Index	1,3%	-1,3%	13,3	1,9	16,1%	2,0%	520	4,3%	-4.439	0,7%	2,0%

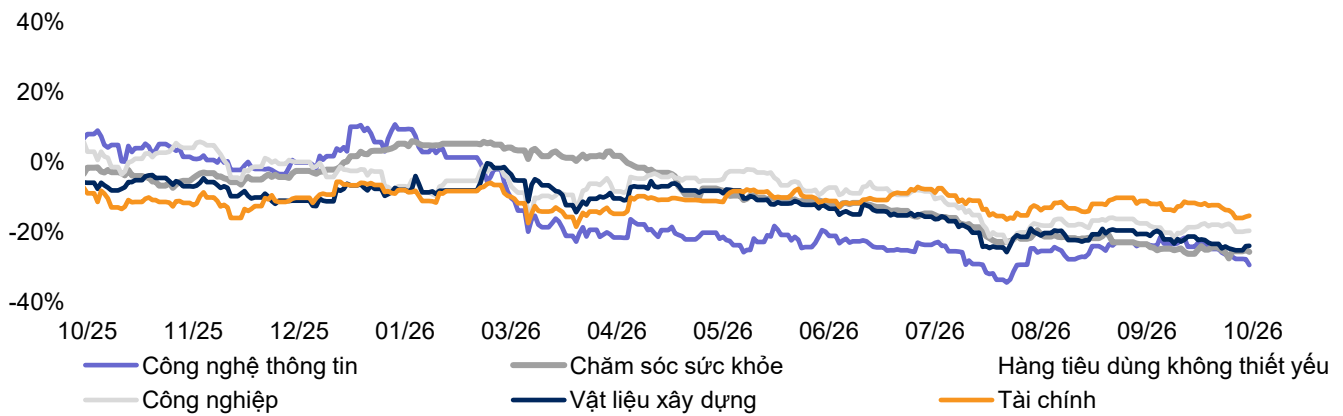
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



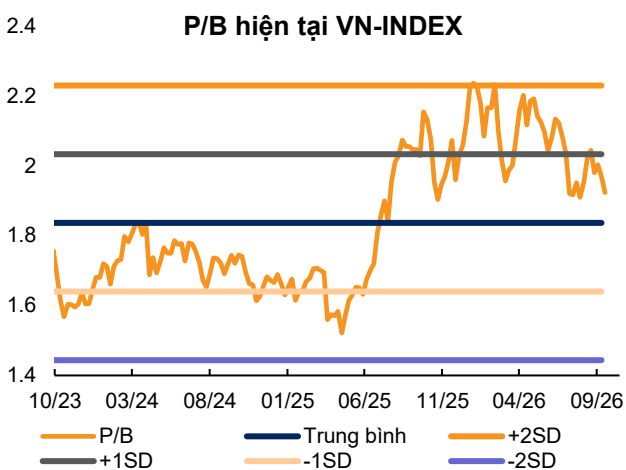
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



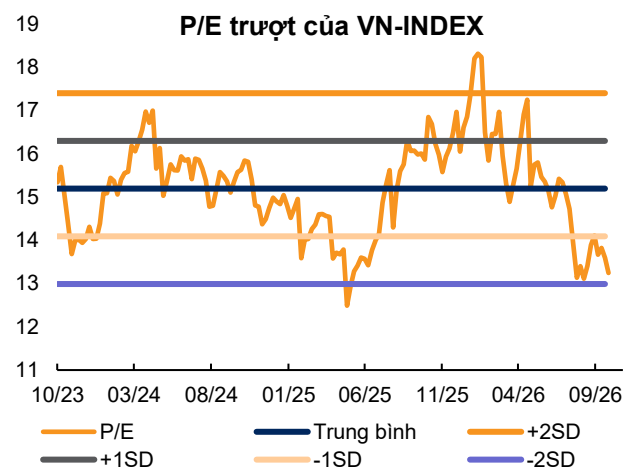
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



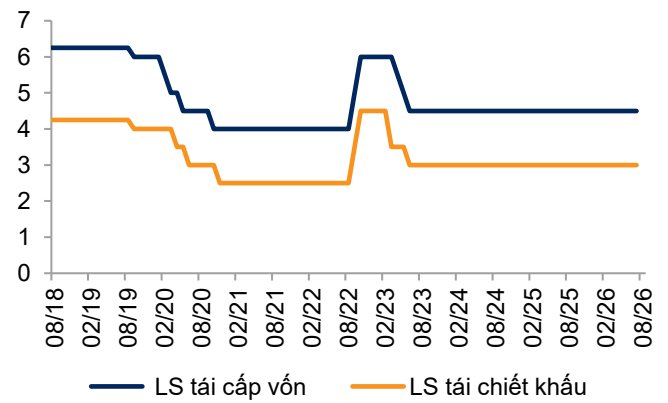
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (bps)			
		1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,28	0,0	-0,3	31,6	35,5
Lợi suất TPCP Việt Nam 10 năm (%/năm)	4,47	0,0	0,0	10,5	18,5
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	4,28	27,8	4,4	159,4	-31,3
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	5,44	0,7	-17,9	-34,1	-7,0
USD/VND	25.838	0,1	0,7	1,8	2,0
DXY	101,52	-0,3	0,9	3,3	2,7
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	5,08	-0,7	2,4	21,9	28,7
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4,85	-0,7	0,8	37,2	41,0

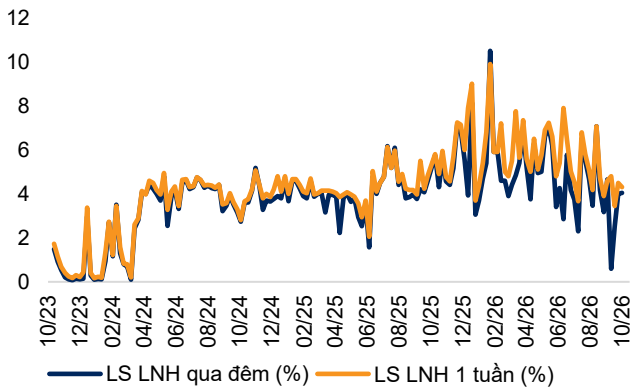
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



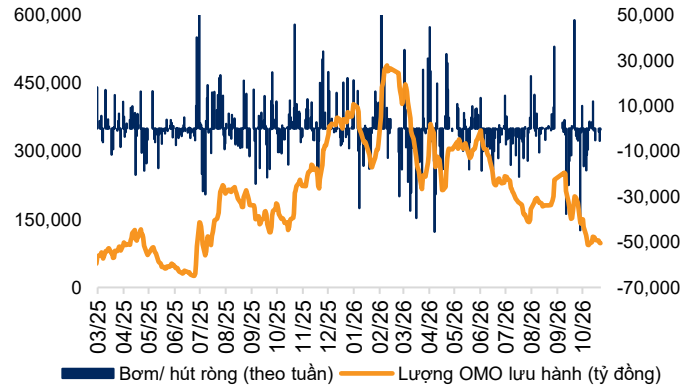
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



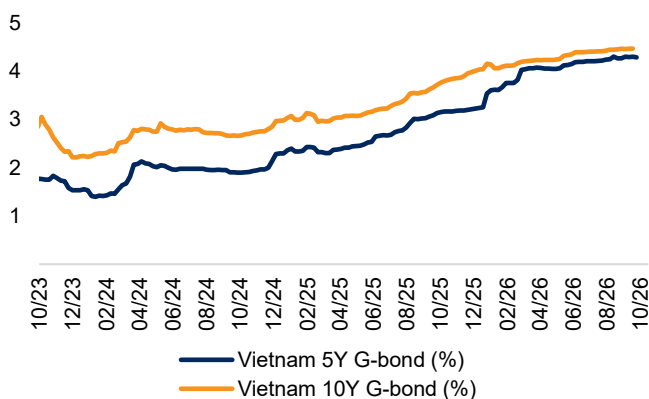
Nguồn: SBV. FIINPRO. VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUA KÊNH OMO



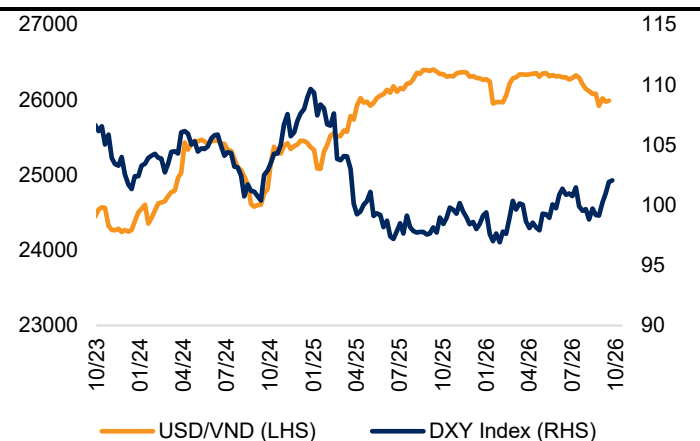
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	2,9%	5,7%	70,9%
Brent Crude	3,2%	13,1%	79,3%
JKM LNG	0,6%	12,8%	180,6%
Henry Hub LNG	5,5%	18,7%	175,8%
NW Thermal Coal	-5,0%	6,7%	-3,2%
Singapore Platt FO	-1,1%	18,4%	102,7%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	-1,6%	-6,4%	0,5%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	-2,8%	-14,9%	17,7%
Bạch kim	-1,3%	-9,8%	8,1%

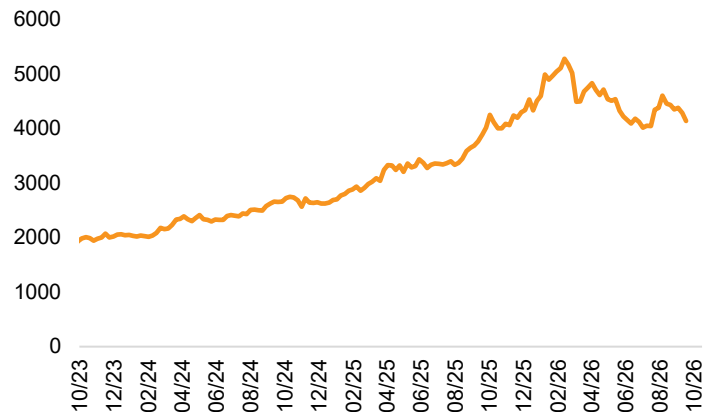
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	-5,1%	330,2%
Đồng	-2,3%	-4,9%	28,7%
Nhôm	1,6%	-6,3%	10,6%
Niken	3,7%	-0,6%	7,1%
Kẽm	0,1%	-4,0%	16,4%
Chì	NA	NA	NA
Thép	-0,1%	0,9%	-0,5%
Quặng sắt	-1,4%	-5,7%	-16,2%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	-0,1%	7,9%	68,5%
Arabica	-1,1%	14,9%	-25,7%
Đường	0,0%	16,2%	35,4%
Cacao	0,7%	9,2%	-1,2%
Dầu cọ	0,2%	-2,2%	NA
Bông	-0,5%	2,2%	27,8%
Sữa bột	-0,1%	-5,2%	-9,7%
Lúa mì	0,2%	-12,2%	25,0%
Đậu tương	0,0%	-6,1%	20,3%
Hạt điều	NA	0,0%	10,0%
Cao su	-8,0%	-3,9%	44,3%
Urê	0,0%	3,9%	8,8%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	-2,1%	-15,9%	-21,1%
Gia súc	0,4%	4,3%	-5,4%

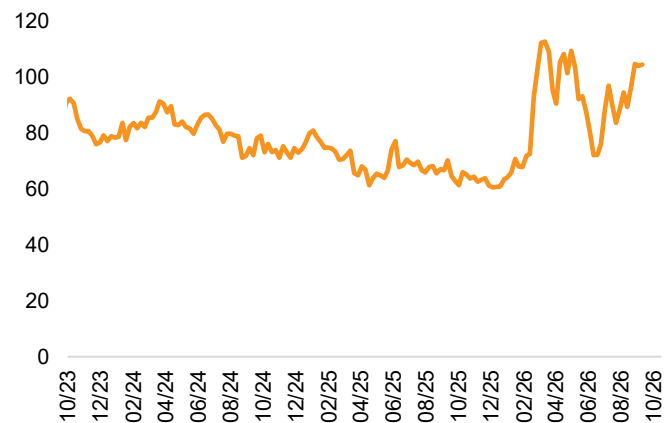
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	5.962	0,8	2.820	43.000	64.700	64,2%	1,3%	13,9	2,1	16%
AST	124	0,0	3	59.300	84.500	38,2%	1,4%	10,8	4,4	48%
HVN	2.535	0,6	547	21.050	43.400	104,8%	3,0%	14,4	6,9	
VJC	3.828	5,6	946	128.600	113.600	-10,4%	0,6%	44,9	3,8	9%
Bán lẻ										
BAF	445	2,2	206	31.500	35.600	35,0%		115,5	2,6	3%
DGW	395	2,7	79	45.700	49.600	42,7%	2,2%	12,1	2,7	25%
FRT	1.048	3,1	162	151.500	150.300	37,9%	0,2%	23,8	5,6	30%
MCH	7.135	3,0	6.340	141.000	165.000	21,3%	1,4%	25,2	10,2	43%
MWG	4.301	9,4	-2	75.300	125.700	42,7%	1,3%	11,2	3,1	30%
PNJ	368	10,2	80	18.600	N/A	N/A	3,6%	3,9	0,7	18%
QNS	710	0,4	289	49.900	53.400	13,1%	2,0%	8,1	1,5	19%
SAB	2.154	1,0	887	43.400	54.600	25,4%	6,9%	12,1	2,8	23%
VHC	417	0,7	344	51.500	72.400	36,6%	3,9%	7,9	1,1	15%
VNM	4.700	7,6	2.364	58.100	71.900	20,4%	3,2%	12,3	3,8	31%
Tài chính										
ACB	4.605	7,6	317	20.500	31.300	41,9%	3,0%	7,6	1,2	17%
BID	10.175	5,2	1.280	33.800	45.100	32,4%	1,2%	7,9	2,5	16%
CTG	9.183	9,2	510	30.550	40.200	70,2%	1,5%	5,9	1,2	22%
HDB	5.628	12,4	438	22.350	39.500	54,7%	2,2%	7,3	1,7	26%
LPB	4.509	4,8	158	39.000	33.400	-31,7%	7,7%	9,6	2,5	27%
MBB	7.755	9,9	227	19.900	32.900	51,5%	4,2%	6,4	1,3	22%
STB	4.677	9,3	909	64.100	73.000	-35,7%	1,0%	19,7	1,9	5%
TCB	9.366	20,3	203	34.150	39.200	40,2%	2,0%	8,4	1,3	16%
TPB	1.574	4,9	131	12.750	21.700	33,9%	3,4%	5,4	0,9	18%
VCB	18.207	9,8	1.839	56.300	67.100	29,2%	0,8%	11,3	1,9	18%
VIB	2.027	3,0	36	14.050	14.600	10,2%	5,8%	7,1	1,1	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	9.269	17,7	152	23.950	30.500	50,4%	1,7%	7,7	1,3	18%
Dệt may										
MSH	146	0,1	65	33.500	40.600	34,2%	3,0%	6,1	1,9	31%
TCM	71	0,6	1	15.550	20.000	20,8%	3,1%	9,2	0,8	8%
Khu công nghiệp										
BCM	1.634	1,1	550	40.800	68.400	81,5%	2,7%	22,3	1,9	9%
GMD	1.424	3,4	147	57.500	95.700	3,1%	2,6%	15,2	2,7	19%
HAH	371	1,6	97	50.900	55.400	27,6%	3,9%	7,3	1,9	27%
VSC	211	5,1	99	14.550	19.100	37,5%	3,4%	15,9	1,0	7%
IDC	578	1,5	199	35.800	58.000	44,5%	3,8%	6,9	2,2	35%
KBC	988	1,3	423	27.100	35.700	9,5%	1,4%	14,6	1,0	7%
PHR	307	0,7		32.550	68.400	22,4%	2,4%	8,5	1,7	22%
VTP	375	1,3	169	47.800	77.900	60,6%	1,4%	30,3	4,2	15%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	497	1,1	230	33.800	128.300	246,0%	23,7%	6,4	0,8	13%
HPG	6.944	16,8	1.895	21.250	33.300	53,5%	2,1%	7,9	1,3	17%
Dầu khí										
BSR	5.659	11,6	2.684	29.200	16.700	-27,2%	1,0%	7,3	2,0	30%
GAS	7.294	4,4	3.418	78.100	91.800	20,4%	3,2%	14,8	2,7	18%
OIL	532	1,0	34	13.300	14.800	13,2%	1,9%	38,8	1,3	3%
PLX	1.795	5,7	101	35.850	47.700	46,4%	3,3%	14,8	1,8	9%
PVD	679	3,0	285	18.900	23.000	37,8%	13,2%	18,2	1,0	5%
PVS	772	4,2	258	32.500	48.200	40,5%	1,7%	9,5	1,3	11%
PVT	472	5,2	154	23.600	24.200	44,0%	0,9%	8,6	1,3	15%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	575	2,4	269	21.850	22.700	6,6%	6,9%	8,7	1,3	14%
DCM	722	3,3	306	35.250	49.800	41,4%	5,7%	8,1	1,6	21%
DDV	101	0,3	-3	17.800	38.700	119,0%	9,6%	4,1	1,1	31%
PLC	67	0,1	0	21.400	34.100	88,0%	2,3%	10,6	1,2	12%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Điện										
POW	1.490	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
Điện và BĐS										
HDG	243	0,7	83	15.450	27.500	69,8%	2,9%	6,7	0,9	14%
PC1	310	0,0	130	19.500	30.800	43,3%	0,0%	7,9	1,2	16%
REE	1.109	0,7	0	46.000	66.600	41,1%	1,9%	10,9	1,3	13%
Bất động sản										
DXG	520	4,3	180	10.600	20.500	92,4%	18,9%	66,9	0,9	1%
KDH	459	3,1	123	14.900	35.700	104,0%	1,8%	11,2	1,0	9%
NLG	435	1,7	63	23.150	38.000	95,9%	2,2%	18,7	FALSE	5%
VHM	20.348	24,7	8.888	64.000	80.200	3,3%	4,7%	6,7	2,0	33%
VRE	2.225	4,8	839	25.300	34.000	39,9%	4,0%	7,9	1,2	15%
Công nghệ										
FPT	4.189	15,5	883	57.400	186.000	41,7%	1,6%	10,8	2,7	27%
Xây dựng										
HHV	206	1,0	185	9.740	14.700	46,3%	0,0%	10,0	0,5	4,8%
Tài chính thay thế										
F88	459	0,4	352	51.300	93.100	24,3%	0,0%	15,3	4,6	39%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết. Thông tin trên báo cáo được công bố của công ty. Thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình. Tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT. Người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA